

Bản án số: **185/2025/DS-ST**

Ngày 15-8-2025

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng góp vốn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà**

Bà **Nguyễn Thị Cúc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 409/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1996; địa chỉ: Thôn T, xã G, TP Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Phan Q**, sinh năm 1995, địa chỉ liên hệ: Số E, phường H, thành phố Đà Nẵng (Theo Giấy ủy quyền ngày 15.12.2023 tại Văn phòng C). Có mặt.

* *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị S**, sinh năm: 1969; địa chỉ: G, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Đức T1**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số C, phường H, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông **Nguyễn Quang Đ**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Số F, phường A, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông **Dương Thành V**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Thôn M, xã L, tỉnh Quảng Trị.

4. Ông **Thân Đức S1**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Tổ F, phường N, thành phố Đà Nẵng.

5. Ông Phạm Ngọc T2, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số B N, phường H, thành phố Đà Nẵng.
6. Ông Trần Văn D, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn Q, phường Q, TP Đà Nẵng.
7. Ông Trần Duy V1, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Tổ G, phường H, thành phố Đà Nẵng.
8. Ông Hà Văn T3, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn D, xã T, thành phố Đà Nẵng.
9. Bà Dương Thị Bích M, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Tổ H, phường H, thành phố Đà Nẵng.
10. Ông Đinh Như T4, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số B N, phường X, thành phố H.
11. Bà Bùi Thị Thanh S2, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Khối phố N, phường Đ, TP Đà Nẵng.
12. Ông Nguyễn Ngọc T5, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Thôn X, xã T, TP Đà Nẵng.
13. Bà Huỳnh Thị T6, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn T, xã G, thành phố Đà Nẵng.
14. Ông Lê Chí T7, sinh năm: 1961; địa chỉ: Số H T, phường H, thành phố Đà Nẵng.
15. Bà Lê Thị Phương L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số H, phường H, thành phố Đà Nẵng.
16. Bà Lê Thị Phương Y, sinh năm 1991: địa chỉ: Số H, phường H, thành phố Đà Nẵng.
17. Ông Lê Nho T8, sinh năm: 1998; địa chỉ: Số H, phường H, thành phố Đà Nẵng.
18. Ông Phạm Đình Q1, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số C T, tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, ông Đ, ông V, ông S1, ông T2, ông D, ông V1, ông T3, bà M, ông T4, bà S2, ông T5, bà T6, ông T7, bà L, bà Y, ông T8, ông Q1: Bà Nguyễn Thị Huyền T9 – sinh năm 1998, địa chỉ liên hệ: Số E, phường H, thành phố Đà Nẵng (Ông T1 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 15.12.2023 tại Văn phòng C, ông Đ ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.12.2023 tại Văn phòng C, ông V ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 22.12.2023 tại Văn phòng C, ông S1 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18.12.2023 tại Văn phòng C, ông T2 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18.12.2023 tại Văn phòng C, ông D ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 18.12.2023 tại Văn phòng C, ông V1 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.12.2023 tại Văn phòng C, ông T3 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.12.2023 tại Văn phòng C, bà M ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.12.2023 tại Văn phòng C, ông

T4 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.12.2023 tại Văn phòng C, bà S2 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27.12.2023 tại Văn phòng C, bà T6 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 26.01.2024 tại Văn phòng C, ông T5 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23.12.2023 tại Văn phòng C, ông T7, bà L và bà Y ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 15.11.2024 tại Phòng công chứng sông H, ông T8 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 20.11.2024 tại Văn phòng C, ông Q1 ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17.3.2025 tại Văn phòng C). Có mặt.

19. Bà Phạm Hoàng Quỳnh N, sinh năm: 1993. Địa chỉ: G, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

20. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969. Địa chỉ: G, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

21. Ông Cao Tiến H1, sinh năm: 1993. Địa chỉ: K, phường N, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

22. Ông Huỳnh Đình T10, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số G, phường T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T – đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Phan Q trình bày:**

Vào khoảng đầu năm 2016, ông Huỳnh Văn T và 20 thành viên cùng thỏa thuận hợp tác, hùn tiền và giao cho bà Huỳnh Thị S đại diện nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; ký kết, công chứng hợp đồng nhận chuyển nhượng, làm thủ tục để đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay vốn ngân hàng để trả tiền đất còn thiếu, xây dựng công trình nhà ở trên đất. Đồng thời, các thành viên còn lại cùng đóng góp công sức, hỗ trợ tiến hành xây dựng nhà ở trên đất và quản lý hoạt động cho thuê. Sau đó, ông T và 20 thành viên còn lại đã góp vốn được tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), cụ thể: ông Huỳnh Văn T góp 25.000.000 đồng, bà S góp 100.000.000 đồng, bà Phạm Hoàng Quỳnh N góp 100.000.000 đồng, ông Cao Tiến H1 góp 100.000.000 đồng, ông Lê Đức T1 góp 25.000.000 đồng, ông Thân Đức S1 góp 50.000.000 đồng, ông Dương Thành V góp 25.000.000 đồng, ông Phạm Đình Q1 góp 25.000.000 đồng, ông Trần Văn D góp 25.000.000 đồng, ông Huỳnh Đình T10 góp 25.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H góp 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc T5 góp 25.000.000 đồng, ông Trần Duy V1 góp 50.000.000 đồng, ông Nguyễn Quang Đ góp 50.000.000 đồng, bà Dương Thị Bích M góp 50.000.000 đồng, ông Phạm Ngọc T2 góp 50.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị M1 góp 50.000.000 đồng, ông Hà Văn T3 góp 25.000.000 đồng, ông Đinh Như T4 góp 50.000.000 đồng, bà Bùi Thị Thanh S2 góp 50.000.000 đồng và bà Huỳnh Thị T6 góp 50.000.000 đồng theo Giấy thỏa thuận cùng hùn tiền mua đất, xây nhà có trong Hồ sơ vụ án.

Đến ngày 29/6/2016, bà S đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5087 với ông Lê D1 và bà Phan Thị Bích L1 được công chứng tại Phòng C1, thành phố Đà Nẵng để nhận chuyển nhượng thửa đất số: 05, tờ bản đồ số: d4, diện

tích: 151,8m², địa chỉ: Lô D P, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584949 ngày 02/03/2015 (Sau đây gọi tắt là “Thửa đất số 05”). Số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng), trong đó, số tiền 1.000.000.000 đồng là từ số tiền góp vốn của 21 người nêu trên, còn lại số tiền 400.000.000 đồng là do bà S vay của Ngân hàng TMCP T để nhận chuyển nhượng. Đến ngày 08/7/2016, bà Huỳnh Thị S được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận S chỉnh lý biến động sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Hơn nữa, việc hợp tác, góp vốn 25.000.000 đồng và thỏa thuận để cho bà S đại diện nhận chuyển nhượng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được bà S thừa nhận và được ghi nhận tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của TAND thành phố Đà Nẵng; Bản án dân sự phúc thẩm số 238/2019/HC-PT ngày 18/11/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 07/QĐ-SCBSBA ngày 06/02/2020 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án thừa nhận là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, Huỳnh Văn T và 20 thành viên nêu trên xác lập giao dịch hợp tác nêu trên phù hợp quy định tại Điều 504 Hợp đồng hợp tác Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phát sinh hiệu lực; quyền sử dụng tại Thửa đất số 05 là tài sản chung của ông Huỳnh Văn T và 20 thành viên nêu trên phù hợp quy định khoản 2 Điều 102 và khoản 1 Điều 506 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 09/9/2016, bà Huỳnh Thị S đã tự ý cùng Công ty Cổ phần Đ1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty Đ1”) ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1095 được công chứng tại Văn phòng C2 để chuyển nhượng toàn bộ Thửa đất số 05 cho Công ty Đ1 với giá chuyển nhượng thực tế là 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) mà không trao đổi và được sự thống nhất của các thành viên còn lại. Đến ngày 11/10/2016, Công ty Đ1 được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đ chỉnh lý biến động sang tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Như vậy, bà S hoàn tất việc chuyển nhượng và đã nhận toàn bộ số tiền chuyển nhượng Thửa đất số 05 là 1.430.000.000 đồng trước ngày 11/10/2016 nêu trên. Căn cứ khoản 2 Điều 506 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Tài sản chung của các thành viên hợp tác: *“Việc định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, xưởng sản xuất, tư liệu sản xuất khác phải có thỏa thuận bằng văn bản của tất cả các thành viên;...”*. Theo đó, việc bà S định đoạt, chuyển nhượng Thửa đất số 05 phải có sự thỏa thuận, đồng ý bằng văn bản của tất cả các thành viên còn lại. Do đó, hành vi tự ý chuyển nhượng Thửa đất số 05 mà không thỏa thuận và có sự đồng ý bằng văn bản của những thành viên hợp tác còn lại của bà S là vi phạm thỏa thuận hợp tác, vi phạm quy định của pháp luật nêu trên. Sau khi chuyển nhượng bà S cũng không thông báo và phân chia tiền chuyển nhượng Thửa đất số 05 cho thành viên hợp tác.

Sau khi các thành viên còn lại phát hiện, bà S để khắc phục vi phạm trên của mình, bà S tiến hành khởi kiện Công ty Đ1 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy cấp nhật biến động sang tên cho Công ty Đ1 nêu trên với lý do bị lừa dối. Vụ việc tranh chấp của bà S và Công ty Đ1 đã được Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giải quyết ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Bản án dân sự phúc thẩm số 238/2019/HC-PT ngày 18/11/2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm số 07/QĐ-SCBSBA ngày 06/02/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có hiệu lực pháp luật. Kết quả giải quyết, Tòa án 02 cấp không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà S. Sau đó, ông Huỳnh Văn T và các thành viên đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu bà S thanh toán số tiền mà ông T đã góp và các khoản có liên quan. Tuy nhiên, bà S luôn lẩn tránh, không hợp tác giải quyết. Điều đó còn thể hiện ở việc bà S không hợp tác với Tòa án từ thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay.

Như sự thừa nhận của bà S và các thành viên, các thành viên xác lập quan hệ, hợp đồng hợp tác nêu trên nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng tại Thửa đất số 05, đầu tư xây dựng ông trình nhà ở trên đất để cho thuê. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện bà S đã tự ý chuyển nhượng toàn bộ Thửa đất số 05 cho Công ty Đ1 nên Hợp đồng hợp tác không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn. Vì vậy, Hợp đồng hợp tác giữa ông Huỳnh Văn T và 20 thành viên nêu trên đã chấm dứt trước thời điểm 11/10/2016 theo quy định khoản 5 Điều 422, điểm d Khoản 1 Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn thì được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*.

Vì vậy, ông Huỳnh Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng buộc bà Huỳnh Thị S phải hoàn trả lại số tiền mà ông Huỳnh Văn T đã góp vốn là 25.000.000 đồng; Lợi tức thu được từ tài sản góp vốn của ông Huỳnh Văn T tương ứng với tỷ lệ góp vốn: $(25.000.000 \text{ đồng} : 1.400.000.000 \text{ đồng}) \times 100\% = 1,786\% \times 25.000.000 \text{ đồng} = 535.800 \text{ đồng}$ là hoàn toàn có cơ sở.

Đối với yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị S phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi chậm trả do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn.

Theo trình bày tại Mục 1 nêu trên, bà S đã hoàn tất việc chuyển nhượng và nhận toàn bộ số tiền chuyển nhượng Thửa đất số 05 trước thời điểm ngày 11/10/2016. Căn cứ khoản 2 Điều 512 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp các khoản nợ đã được thanh toán xong mà tài sản chung vẫn còn thì được chia cho các thành viên hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp của mỗi người, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”*. Như vậy, bà S có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền gốc và lợi tức cho các thành viên góp vốn kể vào trước thời điểm ngày 11/10/2016. Tuy nhiên, bà S không thực hiện. Vì vậy, bà S phải trả lãi chậm thực

hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo đó, bà S còn phải trả tiền lãi chậm trả số tiền 22.546.986 đồng với mức lãi suất và thời gian chậm trả như sau:

- Thời gian chậm trả từ ngày 10/11/2016 đến ngày 31/12/2016 (Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực) là 82 ngày được áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 công bố quy định tại Điều 1 Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2020 với mức lãi suất là 9,0%/năm: $22.546.986 \text{ đồng} \times 82 \text{ ngày} \times 9\%/365 = 516.311 \text{ đồng}$.

- Thời gian chậm trả từ ngày 01/01/2017 đến ngày 15/8/2025 (Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực) là 3.149 ngày được áp dụng mức lãi suất do các bên không có thỏa thuận quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm: $22.546.986 \text{ đồng} \times 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365 = 22.030.675 \text{ đồng}$.

- Tổng số tiền lãi chậm trả là: $516.311 \text{ đồng} + 22.030.675 \text{ đồng} = 22.546.986 \text{ đồng}$.

Từ những quy định và phân tích nêu trên, ông Huỳnh Văn T yêu cầu Tòa án buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

+ Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% (25.000.000 \text{ đồng} / 1.400.000.000 \text{ đồng}) = 535.800 \text{ đồng}$;

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lời tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: 22.546.986 đồng.

*** Bị đơn là bà Huỳnh Thị S đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức T1, ông Nguyễn Quang Đ, ông Dương Thành V, ông Thân Đức S1, ông Phạm Ngọc T2, ông Trần Văn D, ông Trần Duy V1, ông Hà Văn T3, bà Dương Thị Bích M, ông Đinh Như T4, bà Bùi Thị Thanh S2, ông Nguyễn Ngọc T5, bà Huỳnh Thị T6, ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y, ông Lê Nho T8, ông Phạm Đình Q1 – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Huyền T9 trình bày:**

Thông nhất với ý của nguyên đơn về số người góp vốn, số tiền góp vốn, diễn biến quá trình góp vốn và vi phạm và nghĩa vụ của bà Huỳnh Thị S đối với những người góp vốn như ý kiến trình bày của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng buộc bà Huỳnh Thị S phải hoàn trả lại số tiền mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã góp và lợi tức thu được từ tài sản góp vốn của mỗi người tương ứng với tỷ lệ góp vốn là hoàn toàn có cơ sở.

1. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Duy V1 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là:
 $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lời tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973$ đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Dương Thị Bích M tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là:
 $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lời tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973$ đồng.

3. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T5 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là:
 $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lời tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986$ đồng.

4. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Văn D tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là:
 $30.000.000 \times 1,786\% = 535.800$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lời tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986$ đồng.

5. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Đức T1 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lời sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là:
 $30.000.000 \times 1,786\% = 535.800$ đồng;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

6. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Dương Thành V tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

7. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Ngọc T2 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

8. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Hà Văn T3 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

Trước đây, tại đơn kiện ông T3 xác định số tiền góp vốn là 50.000.000 đồng là không chính xác vì thời gian đã lâu. Nay ông T3 xác định lại số tiền đã góp vốn là 25.000.000 đồng.

9. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

10. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Đinh Như T4 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

11. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị T6 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

12. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Bùi Thị Thanh S2 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

13. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Thân Đức S1 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

14. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 3,571\% = 1.071.300$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973$ đồng.

15. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Đình Q1 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là: $30.000.000 \times 1,786\% = 535.800$ đồng;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tạm tính đến ngày 15/08/2025: $25.535.800 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986$ đồng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Hoàng Quỳnh N, bà Nguyễn Thị H, ông Cao Tiến H1 và ông Huỳnh Đình T10 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám

mười sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Duy V1 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

3. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Dương Thị Bích M tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

4. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T5 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

5. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Văn D tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

6. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Đức T1 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

7. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Dương Thành V tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

8. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Ngọc T2 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau

khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

9. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho Hà Văn T3 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

10. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

11. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Đinh Như T4 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

12. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị T6 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

13. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Bùi Thị Thanh S2 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

14. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Thân Đức S1 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

15. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 (là chồng con của người góp vốn là bà Nguyễn Thị M1 đã chết) tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp

vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

16. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Đình Q1 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hợp đồng góp vốn giữa nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T với bị đơn là bà Huỳnh Thị S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[1.3] Bị đơn là bà Huỳnh Thị S; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Hoàng Quỳnh N, bà Nguyễn Thị H, ông Cao Tiến H1, ông Huỳnh Đình T10 được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Huỳnh Thị S, bà Phạm Hoàng Quỳnh N, bà Nguyễn Thị H, ông Cao Tiến H1, ông Huỳnh Đình T10 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị S, bà Phạm Hoàng Quỳnh N, bà Nguyễn Thị H, ông Cao Tiến H1, ông Huỳnh Đình T10.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn T – đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Phan Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đức T1, ông Nguyễn Quang Đ, ông Dương Thành V, ông Thân Đức S1, ông Phạm Ngọc T2, ông Trần Văn D, ông Trần Duy V1, ông Hà Văn T3, bà Dương Thị Bích M, ông Đinh Như T4, bà Bùi Thị Thanh S2, ông Nguyễn Ngọc T5, bà Huỳnh Thị T6, ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y, ông Lê Nho T8, ông Phạm Đình Q1 – đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Huyền T9 đều thừa nhận: Bà Huỳnh Thị S cùng 20 người khác, tổng cộng là 21 người đã thỏa thuận việc góp tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để nhận chuyển nhượng thửa đất số 05, tờ bản đồ số: d4, diện tích: 151,8m², địa chỉ: Lô D P, phường N, quận S, TP Đà Nẵng, giá nhận chuyển nhượng thửa đất là 1.400.000.000

đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Các bên thống nhất để bà Huỳnh Thị S đại diện ký kết hợp đồng chuyển nhượng và đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và vay vốn ngân hàng để trả tiền đất còn thiếu, tiến hành xây dựng công trình trên đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị S không tham gia tố tụng cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án nhân dân quận Hải Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng) đã tiến hành sao lục hồ sơ giải quyết tranh chấp “*Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy hợp đồng thi công xây dựng, hủy chính lý biến động quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng*” giữa bà Huỳnh Thị S và Công ty CP Đ1 tại Tòa án nhân dân cấp cao tại TP Đà Nẵng. Căn cứ “Giấy thỏa thuận cùng hùn tiền mua đất, xây nhà” giữa các bên, lời khai của bà Huỳnh Thị S và những người tham gia góp vốn tại hồ sơ vụ án trên và nhận định của Bản án số 17/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng, Bản án số 238/2019/HC-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án cấp cao tại TP Đà Nẵng (là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 BLTTDS năm 2015) xác định thừa nhận của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

Xét thấy, thỏa thuận giữa các bên không được lập thành hợp đồng cụ thể mà chỉ thể hiện tại “*Giấy thỏa thuận cùng hùn tiền mua đất, xây nhà*”, thực tế các bên đã hoàn tất việc góp tiền và để bà Huỳnh Thị S đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có cơ sở xác định thỏa thuận giữa các bên là giao dịch dân sự có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 121, 122, 123, 124 Bộ luật Dân sự 2005 nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc các bên tham gia ký kết.

[2.2] *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, HĐXX xét thấy:*

Ngày 29/6/2016, bà Huỳnh Thị S đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 5087 với ông Lê D1 và bà Phan Thị Bích L1 được công chứng tại Phòng C1, TP Đà Nẵng để nhận chuyển nhượng thửa đất trên với số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Ngày 09/9/2016, bà Huỳnh Thị S tự ý chuyển nhượng thửa đất này cho Công ty Đ1 với giá 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) mà không thông báo hay có sự đồng ý của những người góp vốn là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Vì vậy, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà Huỳnh Thị S hoàn trả số tiền gốc đã góp vốn và lợi nhuận là 30.000.000 đồng (1.430.000.000 đồng - 1.400.000.000 đồng = 30.000.000 đồng) sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu lãi suất chậm thanh toán do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận, HĐXX xét thấy: Ngày 11/10/2016 Công ty Đ1 được Văn phòng Đ chỉnh lý biến động sang tên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 584949 do Sở T12 cấp ngày

02/3/2015. Tại Mục 4 phần Nhận định của Tòa án, trang 11 của Bản án số 238/2019/DS-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ghi nhận: “*Trước thời điểm ngày 11/10/2016 chỉnh lý biến động sang tên quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đ1 thì Công ty đã thanh toán cho bà Huỳnh Thị S tổng số tiền 1.430.000.000 đồng đồng, điều này được bà Huỳnh Thị S thừa nhận*”. Như vậy, ngày 11/10/2016, bà Huỳnh Thị S đã hoàn tất việc chuyển nhượng và nhận tiền chuyển nhượng nên có nghĩa vụ thanh toán tiền góp vốn và lợi nhuận phát sinh do chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất số 05 theo tỷ lệ cho những thành viên đã góp vốn. Tuy nhiên, bà Huỳnh Thị S không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc cũng như lợi nhuận phát sinh từ việc chuyển nhượng cho những người cùng góp vốn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005. Vì vậy, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu bà Huỳnh Thị S phải trả lãi suất chậm thanh toán trên số tiền góp vốn và tiền lợi nhuận phát sinh kể từ ngày 11/10/2016 với mức lãi suất 9%/năm tương ứng với thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành (Lãi suất căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010 của Ngân hàng N2) và kể từ ngày 01/01/2017 theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với trường hợp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Hà Văn T3 xác định số tiền góp vốn tại đơn khởi kiện là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo “Giấy thỏa thuận cùng hùn tiền mua đất, xây nhà” được sao lục tại hồ sơ tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị S và Công ty Đ1 thì ông T3 chỉ góp số tiền 25.000.000 đồng. Đồng thời, Bản án số 17/2019/DS-ST ngày 16/5/2019 của Tòa án nhân dân TP Đà Nẵng, Bản án số 238/2019/HC-PT ngày 18/11/2019 của Tòa án cấp cao tại TP Đà Nẵng cũng xác định tổng số tiền 21 người cùng góp vốn là 1.000.000.000 đồng chứ không phải 1.025.000.000 đồng như các đương sự trình bày (chênh lệch 25.000.000 đồng từ số tiền góp vốn của ông T3). Do đó, tại phiên tòa hôm nay ông T3 xác định lại số tiền góp vốn là 25.000.000 đồng và yêu cầu tuyên buộc bà Huỳnh Thị S phải trả cho ông T3 số tiền gốc là 25.000.000 đồng kèm tiền lợi nhuận và lãi suất phát sinh là phù hợp.

Từ những phân tích trên, căn cứ các Điều 121, 122, 123, 124, 290, 305 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Duy V1, bà Dương Thị Bích M, ông Nguyễn Ngọc T5, ông Trần Văn D, ông Lê Đức T1, ông Dương Thành V, ông Phạm Ngọc T2, ông Hà Văn T3, ông Nguyễn Quang Đ, ông Đinh Như T4, bà Huỳnh Thị T6, bà Bùi Thị Thanh S2, ông Thân Đức S1, ông Phạm Đình Q1 và ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 (người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị M1):

1. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

2. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Duy V1 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

3. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Dương Thị Bích M tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

4. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T5 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

5. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Văn D tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

6. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Đức T1 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

7. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Dương Thành V tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

8. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Ngọc T2 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

9. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Hà Văn T3 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% (25.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

10. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

11. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Đinh Như T4 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

12. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị T6 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

13. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Bùi Thị Thanh S2 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;

- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% (50.0000.000 đồng/1.400.000.000 đồng): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

14. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Thân Đức S1 tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% ($50.000.000 \text{ đồng} / 1.400.000.000 \text{ đồng}$): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

15. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 (Là chồng, con của bà Nguyễn Thị M1) tổng số tiền 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 3,5% ($50.000.000 \text{ đồng} / 1.400.000.000 \text{ đồng}$): $30.000.000 \text{ đồng} \times 3,5\% = 1.071.300 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025: $51.071.300 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 45.093.973 \text{ đồng}$.

16. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Đình Q1 tổng số tiền 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

- Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng;
- Số tiền lãi sau khi chuyển nhượng đất tương ứng với tỷ lệ vốn góp là 1,786% ($25.000.000 \text{ đồng} / 1.400.000.000 \text{ đồng}$): $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,786\% = 535.800 \text{ đồng}$;
- Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lãi tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/08/2025: $22.546.986 \text{ đồng} \times (82 \text{ ngày} \times 9\%/365 + 3.149 \text{ ngày} \times 10\%/365) = 22.546.986 \text{ đồng}$.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Bị đơn là bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền có nghĩa vụ thanh toán 1.202.066.959 đồng là $36.000.000 \text{ đồng} + 402.066.959 \times 3\% = 48.062.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 92, khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 121, 122, 123, 124, 290, 305 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn T đối với bà Huỳnh Thị S về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn T tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

II. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Đức T1, ông Nguyễn Quang Đ, ông Dương Thành V, ông Thân Đức S1, ông Phạm Ngọc T2, ông Trần Văn D, ông Trần Duy V1, ông Hà Văn T3, bà Dương Thị Bích M, ông Đinh Như T4, bà Bùi Thị Thanh S2, ông Nguyễn Ngọc T5, bà Huỳnh Thị T6, ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y, ông Lê Nho T8, ông Phạm Đình Q1 đối với bà Huỳnh Thị S về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn*”.

1. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Duy V1 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

2. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Dương Thị Bích M tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

3. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T5 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

4. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Trần Văn D tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

5. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Đức T1 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

6. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Dương Thành V tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

7. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Ngọc T2 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

8. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho Hà Văn T3 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

9. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Nguyễn Quang Đ tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

10. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Đinh Như T4 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

11. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị T6 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

12. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho bà Bùi Thị Thanh S2 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

13. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Thân Đức S1 tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

14. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Lê Chí T7, bà Lê Thị Phương L, bà Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 (là chồng con của người góp vốn là bà Nguyễn Thị M1 đã chết) tổng số tiền là 96.165.273 đồng (Chín mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 50.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 1.071.300 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 45.093.973 đồng.

15. Buộc bà Huỳnh Thị S phải thanh toán cho ông Phạm Đình Q1 tổng số tiền là 48.082.786 đồng (Bốn mươi tám triệu, không trăm tám mươi hai nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Số tiền góp vốn: 25.000.000 đồng; Số tiền lợi nhuận sau khi bà Huỳnh Thị S chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 535.800 đồng; Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền góp vốn và tiền lợi nhuận tính từ thời điểm ngày 11/10/2016 tính đến ngày 15/8/2025 là 22.546.986 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

1. Bà Huỳnh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 48.062.000 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi hai ngàn đồng).

2. Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn T số tiền tạm ứng án phí là 2.008.929 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000058 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

3. Hoàn trả cho ông Trần Duy V1 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000271 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

4. Hoàn trả cho bà Dương Thị Bích M số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000270 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

5. Hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T5 số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000260 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

6. Hoàn trả cho ông Trần Văn D số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000261 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

7. Hoàn trả cho ông Lê Đức T1 số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000262 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

8. Hoàn trả cho ông Dương Thành V số tiền tạm ứng án phí là 2.009.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000263 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

9. Hoàn trả cho ông Phạm Ngọc T2 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000265 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

10. Hoàn trả cho ông Hà Văn T3 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000266 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

11. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quang Đ số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000267 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

12. Hoàn trả cho ông Đinh Như T4 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000268 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

13. Hoàn trả cho ông Huỳnh Thị T6 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000269 ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

14. Hoàn trả cho ông Bùi Thị Thanh S2 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000264 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

15. Hoàn trả cho ông Thân Đức S1 số tiền tạm ứng án phí là 4.018.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0000272 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

16. Hoàn trả cho ông Lê Chí T7, Lê Thị Phương L, Lê Thị Phương Y và ông Lê Nho T8 số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0004941 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

17. Hoàn trả cho ông Phạm Đình Q1 số tiền tạm ứng án phí là 1.175.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0005316 ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu.

IV. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Trinh